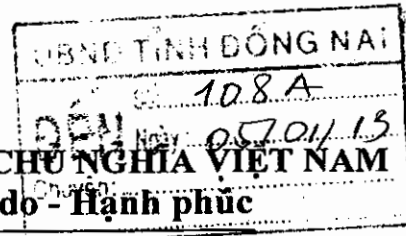


**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: **3017** /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày **03** tháng **12** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế,
thủ tục hành chính bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính ban hành mới, 01 thủ tục hành chính thay thế và 01 thủ tục hành chính bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Tổng cục, vụ, cục, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Bộ (P. KSTTHC);
- Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, TCLN.



Cao Đức Phát

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 301/QĐ-BNN-TCLN ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ

I. Thủ tục hành chính ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan Thực hiện
A.	Thủ tục hành chính cấp Trung ương		
1.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc Trung ương quản lý	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
2.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc Trung ương quản lý	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
B.	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
3.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
C.	Thủ tục hành chính cấp huyện		
5.	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
6.	Đăng ký nuôi bổ sung loài động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại

II. Thủ tục hành chính thay thế và bị thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính bị thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan Thực hiện
A.	Thủ tục hành chính cấp huyện			
7.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục	Đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã thông thường ban hành kèm theo Quyết định số 2541/QĐ-	Lâm nghiệp	Cơ quan Kiểm lâm sở tại

[Handwritten signatures]

	đích thương mại (nuôi mới)	BNN-TCLN ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (B-BNN-188154-TT)		
--	----------------------------	--	--	--

Handwritten signature
Handwritten signature

Phụ lục II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

A. Các thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc Trung ương quản lý

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Vụ Bảo tồn thiên nhiên - Tổng cục Lâm nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

c) Thẩm định hồ sơ

Vụ Bảo tồn thiên nhiên thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác, báo cáo đánh giá quần thể, lập biên bản thẩm định và báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp.

d) Cấp giấy phép khai thác

Tổng cục Lâm nghiệp căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Vụ Bảo tồn thiên nhiên cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

đ) Trả kết quả

Tổng cục Lâm nghiệp gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

1.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua bưu điện.



1.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản chính báo cáo đánh giá quần thể loài động vật rừng thông thường theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức hoặc chứng minh nhân dân đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

- Bản chính giấy chấp thuận phương án khai thác của chủ rừng hoặc hợp đồng hợp tác với chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác không đồng thời là chủ rừng.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

a) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi Vụ Bảo tồn thiên nhiên.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

b) Thẩm định hồ sơ

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Vụ Bảo tồn thiên nhiên phải thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ.

c) Cấp giấy phép khai thác

03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Vụ Bảo tồn thiên nhiên, Tổng cục Lâm nghiệp cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

d) Trả kết quả

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác được ký, Tổng cục Lâm nghiệp gửi kết quả cho Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.


5


1.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Lâm nghiệp.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.7. Lệ phí: Không.

1.8. Mẫu đơn, tờ khai

- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.
- Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.
- Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường.

1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác.
- Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 4 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

1.12. Liên hệ

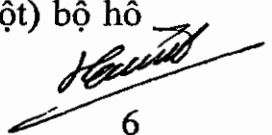
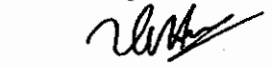
- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.
- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.
- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.
- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.

2. Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc Trung ương quản lý

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.


6


b) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Vụ Bảo tồn thiên nhiên - Tổng cục Lâm nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

c) Cấp giấy phép khai thác

Tổng cục Lâm nghiệp căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Vụ Bảo tồn thiên nhiên cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

d) Trả kết quả

Tổng cục Lâm nghiệp gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

2.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.

- Qua bưu điện.

2.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Bản sao có chứng thực văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc quyết định thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học; hoặc văn bản đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với trường hợp khai thác phục vụ ngoại giao, trao đổi giữa các vườn thú, triển lãm phi lợi nhuận, biểu diễn xiếc phi lợi nhuận, trao đổi mẫu vật với Cơ quan Quản lý CITES các nước thành viên.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết



a) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Vụ Bảo tồn thiên nhiên.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

b) Cấp giấy phép khai thác

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Vụ Bảo tồn thiên nhiên gửi hồ sơ và báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ và báo cáo của Vụ Bảo tồn thiên nhiên, Tổng cục Lâm nghiệp cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp giấy phép khai thác.

c) Trả kết quả

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, Tổng cục Lâm nghiệp gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

2.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Lâm nghiệp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.7. Lệ phí: Không.

2.8. Mẫu đơn, tờ khai

- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.

- Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.

2.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác.

- Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.



2.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 5 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

2.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.
- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.
- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.
- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.

B. Các thủ tục hành chính cấp tỉnh

3. Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Chi cục Kiểm lâm.

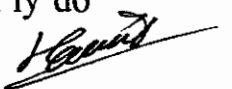
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

c) Thẩm định hồ sơ

Chi cục Kiểm lâm thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác, báo cáo đánh giá quần thể, lập biên bản thẩm định và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Cấp giấy phép khai thác

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.


9

đ) Trả kết quả

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

3.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua bưu điện.

3.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.
- Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.
- Bản chính báo cáo đánh giá quần thể loài động vật rừng thông thường theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.
- Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức hoặc chứng minh nhân dân đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.
- Bản chính giấy chấp thuận phương án khai thác của chủ rừng hoặc hợp đồng hợp tác với chủ rừng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác không đồng thời là chủ rừng.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết


a) Tiếp nhận hồ sơ

Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Chi cục Kiểm lâm.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

b) Thẩm định hồ sơ

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm phải thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ.


10

c) Cấp giấy phép khai thác

03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

d) Trả kết quả

02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

3.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.7. Lệ phí: Không

3.8. Mẫu đơn, tờ khai

- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.
- Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.
- Báo cáo đánh giá quần thể động vật rừng thông thường.

3.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác.

- Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.

3.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 4 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

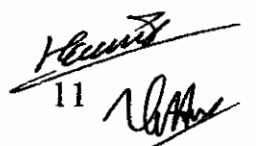
3.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.

- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.

- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.

- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.


11

4. Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản, gửi hồ sơ và văn bản xác nhận đến Chi cục Kiểm lâm.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

c) Cấp giấy phép khai thác

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

d) Trả kết quả

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

4.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.

- Qua bưu điện.

4.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản chính thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT.

- Bản sao có chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Bản sao có chứng thực văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc quyết định thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu

khoa học đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học; hoặc văn bản đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với trường hợp khai thác phục vụ ngoại giao, trao đổi giữa các vườn thú, triển lãm phi lợi nhuận, biểu diễn xiếc phi lợi nhuận, trao đổi mẫu vật với Cơ quan Quản lý CITES các nước thành viên.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

a) Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải xem xét, xác nhận những thông tin trong hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết.

b) Cấp giấy phép khai thác

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan Kiểm lâm sở tại chuyển đến, Chi cục Kiểm lâm gửi hồ sơ và báo cáo Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép khai thác hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp giấy phép khai thác.

c) Trả kết quả

02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký giấy phép khai thác hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi kết quả cho cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả ngay cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

4.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.7. Lệ phí: Không.

4.8. Mẫu đơn, tờ khai

- Đề nghị cấp giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.

- Bản thuyết minh phương án khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường.

4.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy phép khai thác từ tự nhiên động vật rừng thông thường hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy phép khai thác.

- Thời hiệu của giấy phép khai thác: Tối đa 30 (ba mươi) ngày.

4.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 5 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

4.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.

- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.

- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.

- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn

C. Các thủ tục hành chính cấp huyện

5. Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi

Cơ quan Kiểm lâm sở tại cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

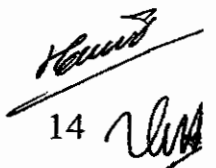

c) Trả kết quả

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

5.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.

- Qua bưu điện.


14 

5.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

5.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.7. Lệ phí: Không.

5.8. Mẫu đơn, tờ khai

Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.

5.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc văn bản thông báo lý do không cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi.

- Thời hiệu của giấy chứng nhận trại nuôi: Tối đa 03 (ba) năm kể từ ngày cấp.

5.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 8 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

5.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.

- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.

- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.

- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.

6. Đăng ký nuôi bổ sung loài động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

6.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi

Cơ quan Kiểm lâm sở tại cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

c) Trả kết quả

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc qua đường bưu điện.

6.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.

- Qua bưu điện.

6.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

6.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

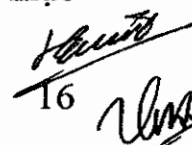

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.7. Lệ phí: Không.

6.8. Mẫu đơn, tờ khai

Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.


16 

6.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc văn bản thông báo lý do không cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi.

- Thời hiệu của giấy chứng nhận trại nuôi: Tối đa 03 (ba) năm kể từ ngày cấp.

6.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 8 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

6.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.

- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.

- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.

- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

A. Thủ tục hành chính cấp huyện

7. Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)

7.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01(một) bộ hồ sơ đến cơ quan Kiểm lâm sở tại.

b) Tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận trại nuôi

Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

c) Trả kết quả

Tổ chức cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện.

7.2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua bưu điện.

7.3. Thành phần và số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Bản sao có chứng thực phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết đảm bảo các điều kiện về vệ sinh, môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

a) Tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận

Cơ quan Kiểm lâm sở tại trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải tổ chức xác minh và cấp giấy chứng nhận trại nuôi đồng thời lập sổ theo dõi. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại phải thông báo bằng văn bản lý do cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

b) Trả kết quả

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận trại nuôi được cấp, cơ quan Kiểm lâm sở tại giao trả cho tổ chức được cấp.

7.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.7. Lệ phí: Không.

7.8. Mẫu đơn, tờ khai

Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.

7.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Kết quả: Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại hoặc văn bản thông báo lý do không cấp giấy chứng nhận trại nuôi.
- Thời hiệu của giấy chứng nhận trại nuôi: Tối đa 03 (ba) năm kể từ ngày cấp.


18


7.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 7 và 8 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

7.12. Liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đoàn.
- Tên cơ quan: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam – Tổng cục Lâm nghiệp.
- Địa chỉ: Số 02 - Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.
- Điện thoại: 0437335676. Email: doannv.ln@mard.gov.vn.

Handwritten signature and stamp in the bottom right corner of the page.